



Xác định con số nào làm cho mỗi chuyển đổi đúng.

Câu trả lời

- 1) 32 centimet = _____ mét
- 2) 0.021 kilomet = _____ mét
- 3) 0.47 mét = _____ centimet
- 4) 0.62 mét = _____ centimet
- 5) 84 milimet = _____ centimet
- 6) 28 mét = _____ kilomet
- 7) 0.27 mét = _____ centimet
- 8) 95 milimet = _____ centimet
- 9) 50 milimet = _____ centimet
- 10) 2,9 centimet = _____ milimet
- 11) 52 mét = _____ kilomet
- 12) 0.19 mét = _____ centimet
- 13) 88 centimet = _____ mét
- 14) 16 mét = _____ kilomet
- 15) 8,6 centimet = _____ milimet
- 16) 9,2 centimet = _____ milimet
- 17) 0.012 kilomet = _____ mét
- 18) 5,6 centimet = _____ milimet
- 19) 0.8 mét = _____ centimet
- 20) 10 mét = _____ kilomet

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____
16. _____
17. _____
18. _____
19. _____
20. _____



Xác định con số nào làm cho mỗi chuyển đổi đúng.

Câu trả lời

- 1) 32 centimet = 0.32 mét
- 2) 0.021 kilomet = 21 mét
- 3) 0.47 mét = 47 centimet
- 4) 0.62 mét = 62 centimet
- 5) 84 milimet = 8,4 centimet
- 6) 28 mét = 0.028 kilomet
- 7) 0.27 mét = 27 centimet
- 8) 95 milimet = 9,5 centimet
- 9) 50 milimet = 5 centimet
- 10) 2,9 centimet = 29 milimet
- 11) 52 mét = 0.052 kilomet
- 12) 0.19 mét = 19 centimet
- 13) 88 centimet = 0.88 mét
- 14) 16 mét = 0.016 kilomet
- 15) 8,6 centimet = 86 milimet
- 16) 9,2 centimet = 92 milimet
- 17) 0.012 kilomet = 12 mét
- 18) 5,6 centimet = 56 milimet
- 19) 0.8 mét = 80 centimet
- 20) 10 mét = 0.01 kilomet

1. 0.32
2. 21
3. 47
4. 62
5. 8,4
6. 0.028
7. 27
8. 9,5
9. 5
10. 29
11. 0.052
12. 19
13. 0.88
14. 0.016
15. 86
16. 92
17. 12
18. 56
19. 80
20. 0.01